TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 70/2026/QĐST-HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1993; Nơi đăng ký HKTT: Thôn PL, xã TH, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ hiện nay: Thôn PT, xã H, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Bùi An S, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn PL, xã TH, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Bùi An Đăng K, sinh ngày 06/12/2024; Người đại diện hợp pháp cho cháu K: Anh Bùi An S và chị Nguyễn Thị Thúy N là bố mẹ đẻ

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Toà án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi An S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Bùi An S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi An Đăng K, sinh ngày 06/12/2024. Ly hôn anh chị thỏa thuận chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K kể từ tháng 03/2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị N số tiền 2.500.000 đồng/tháng,

kể từ tháng 03 năm 2026 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, thành niên. Anh Bùi An S được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Thúy N có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Bùi An S không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Nguyên đơn chị N rút yêu cầu, bị đơn Anh S không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.300.000 đồng tại biên lai số 0000181 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Thúy N số tiền 19.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên
- Phòng THADS khu vực 1 – Hưng Yên
- UBND xã TH, tỉnh Hưng Yên
(GCNKH số 20 ngày 13/05/2024)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang